TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyến,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Biên

2. Bà Hoàng Thị Chính.

-Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Chính-Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 669/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 724/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Th; địa chỉ: Tổ 3, phường Tr, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đào Xuân V; địa chỉ: Tổ 3, phường Tr, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) ngày 10-4-2018 và Bản tự khai ngày 10-5-2018, nguyên đơn là chị Trần Thị Th (chị Th) trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị xây dựng hạnh phúc với anh Đào Xuân V (anh V) trên cơ sở được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 13-4-1999. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra va chạm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống,

sinh hoạt. Gia đình hai bên nội ngoại đã khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Đào Tuấn Đ sinh ngày 09-8-1999 và Đào Thảo Ch, sinh ngày 20-02-2009. Cháu Đ đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng nên chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Th nhận nuôi cháu Ch đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ, chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh V vắng mặt nên Tòa án đã niêm yết công khai những tài liệu sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản đã tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh V vẫn vắng mặt.

Tại Bản tự khai ngày 10-5-2018, con chung của chị Th và anh V là cháu Đào Thảo Ch, sinh ngày 20-02-2009 trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ vì lý do từ trước tới nay cháu vẫn ở với mẹ và được học hành, chăm sóc chu đáo, ổn định, phù hợp với giới tính.

Tại Biên bản xác minh ngày 23-5-2018, cảnh sát khu vực và chính quyền địa phương nơi chị Thúy và anh Vũ chung sống cung cấp thông tin về việc anh Vũ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 3 Hòa Bình, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, anh Vũ có mặt tại địa phương nhưng từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân quận Kiến An.

Tại Biên bản xác minh ngày 24-5-2018, đại diện tổ dân phố nơi chị Th và anh V chung sống cung cấp thông tin: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Th và anh V đã rất căng thẳng, anh chị sống ly thân nhiều năm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để ổn định cuộc sống của các bên và đề nghị giao con chung là Đào Thảo Ch cho mẹ tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại phiên toà: Chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh V và nhận trực tiếp nuôi con chung là Đào Thảo Ch, sinh ngày 20-02-2009 đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ, chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn:

Tòa án nhân dân quận K đã xác định đúng: Quan hệ pháp luật có tranh

chấp, thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ án, tư cách đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tống đạt, thông bảo văn bản tố tụng, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đều được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 173, Điều 203, Điều 208, Điều 209, Điều 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 72 và 199 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51,56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Đào Xuân V. Về con chung: Đề nghị giao cháu Đào Thảo Ch sinh ngày 20-02-2009 cho chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ, chị Th và anh V đều không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Th có Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) với anh V và đề nghị được nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh V là bị đơn trong vụ án và cư trú tại Tổ 3 Hòa Bình, phường Tr, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân quận K đã thụ lý vụ án vào ngày 07-05-2018 và có quyết định đưa vụ án ra xét xử vào 06-7-2018 là đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Thủ tục giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án anh V vắng mặt nên Tòa án đã tống đạt hợp lệ, niêm yết công khai tại nơi cư trú của anh V, tại Ủy ban

nhân dân phường Tr và tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K những tài liệu sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản đã tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh V vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Trong các bản tự khai, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của chị Th tại phiên tòa đều thể hiện nội dung chị Th xây dựng hạnh phúc với anh V trên cơ sở được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 13-4-1999. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Thúy và anh V là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng chị Th và anh V chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra va chạm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống, sinh hoạt. Chị Th và anh V đã sống ly thân nhiều năm nay, chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh V. Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó phần nào thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ vợ chồng của anh V. Như vậy có thể thấy rằng giữa chị Th và anh V không còn yêu thương, quý trọng nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị Thúy được ly hôn anh Vũ.

[5] Về con chung và vấn đề cấp dưỡng con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Th đều trình bày: Quá trình chung sống chị Th và anh V có 02 con chung là Đào Tuấn Đ sinh ngày 09-8-1999 và Đào Thảo Ch sinh ngày 20-02-2009. Cháu Đ đã đủ 18 tuổi và không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng nên chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Th nhận nuôi cháu Ch đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ, chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét thấy yêu cầu nuôi con của chị Th là hoàn toàn tự nguyện, có cơ sở, phù hợp với những ý kiến đã được tham khảo và phù hợp với nguyện vọng của con chung và để đảm bảo lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con chung nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Đào Thảo Ch sinh ngày 20-02-2009 cho mẹ là chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Chị Th và anh V đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Th là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh V được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Đào Xuân V.

2. Về nuôi con chung: Giao con Đào Thảo Ch sinh ngày 20-02-2009 cho mẹ là chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị Trần Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị Th và anh Đào Xuân V đều không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010030 ngày 07-5-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đào Xuân V được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND p. Tr, q.K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyến